

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/ST - HNGĐ

Ngày: 14/5/2021.

V/v xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Khuất Thị Toàn.

2. Ông: Hoàng Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị L

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vương Hồng V

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 15, KII, trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày: Chị và anh Vương Hồng V kết hôn ngày 01/3/2012, có đăng ký tại UBND xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện, ngay sau kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chung sống với nhau được 5 năm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhất là từ năm 2014 đến năm 2018 anh V hay đánh đập chị dẫn đến chị không còn tình cảm với anh V nữa, năm 2018 anh V vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại đội 15 KII Trại giam Quyết Tiến, tỉnh Tuyên Quang thời gian là 13 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được. Do vậy chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung anh chị có 02 con chung: Cháu Vương Thị Ly N- SN: 01/3/2012 và cháu Vương Thị Thu H- SN: 17/3/2015. Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con do anh V chồng chị đang chấp hành án thời gian dài nên chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai đầu đề ngày 08/4/2021 bị đơn anh Vương Hồng V xác nhận vợ chồng anh chị kết hôn ngày 01/3/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 khi anh bị bắt về hành vi vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù thời gian 13 năm anh phải đi chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang thì tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng. Nay chị L xin ly hôn anh không nhất trí vì vẫn còn tình cảm với chị L. vợ chồng không có mâu thuẫn do anh chấp hành án phạt tù thời gian tù lâu năm nên chị L không chờ được. Việc chị L xin ly hôn với anh do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung cháu Vương Thị Ly N- SN: 01/3/2012 và cháu Vương Thị Thu H - SN: 17/3/2015. Nếu ly hôn anh V nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không có điều kiện đang phải chấp hành án.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Do phía anh V đang chấp hành án và có đơn xin được giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do vậy Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn; về con chung chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về Tài sản chung, công nợ chung chị L, anh V xin tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật TT DS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn với anh V;

Về con chung: Có 02 con chung giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu tiền ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vương Hồng V vắng mặt tại phiên tòa có lý do căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiên hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng. Trong vụ án này yêu cầu khởi kiện của đương sự là Ly hôn, con chung. Quan hệ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Vương Hồng V kết hôn ngày 01/3/2012, có đăng ký tại UBND xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện, nguyên nhân xin ly hôn theo chị L cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và anh V đánh đập chị nhiều lần, đến năm 2018 anh V vi phạm pháp luật phải chấp hành án thời gian lâu năm chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh V.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh V, bị đơn anh V do hiện tại đang phải chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang thời gian 13 năm đến nay mới chấp hành được 3 năm, nay anh không muốn ly hôn, nhưng không có sự lựa chọn nào khác. Việc xin ly hôn của chị L do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị L, anh V trong thời gian chung sống với nhau tại thôn B, xã N, thành phố H, hiện tại chị L vẫn sinh hoạt ở thôn, còn anh V do vi phạm pháp luật đã đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang được khoảng 3 năm nay vắng mặt tại địa phương và không chung sống cùng chị L, việc sinh hoạt và các khoản đóng góp thôn do chị L thực hiện và tham gia đầy đủ. Việc chị L xin ly hôn Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của vợ chồng để giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy nếu cố nín kéo để chị L quay lại đoàn tụ chung sống với anh V thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh V đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh V có 02 con chung cháu Vương Thị Ly N- SN: 01/3/2012 và cháu Vương Thị Thu H - SN: 17/3/2015. Hiện tại 2 cháu vẫn ở cùng chị L, nguyện vọng cháu N nếu bố mẹ ly hôn được ở cùng mẹ. Nay chị L có ý kiến được xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại bản thân anh V đang phải chấp hành án thời gian dài nên giao cả hai cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung là đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cả hai bên.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228BLTTDS; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L về việc xin ly hôn với anh Vương Hồng V.

2. Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Vương Hồng V.

3. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vương Thị Ly N- SN: 01/3/2012 và cháu Vương Thị Thu H - SN: 17/3/2015 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Vương Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000,đồng(Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang, biên lai số 0002458 ngày 02 tháng 3 năm 2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Ma Thị Nghị

